TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH THƯỢNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 21- 6 - 2019

Về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khanh

Các Hội thẩm nhân dân*:*

1. Ông Lê Hoàng Vũ

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm

***- Thư ký phiên tòa**:* Bà Thị Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng tham gia phiên tòa: Không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 6 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2019/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 02 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1987

Địa chỉ: Ấp L, xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Minh V, sinh năm 1987

Địa chỉ: Ấp D, xã Y, huyện U, tỉnh Kiên Giang (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 18 tháng 01 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Minh V (sau đây gọi tắt là chị L, anh V) được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa

phương ngày 17/01/2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Yên, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang vào ngày 09/4/2013. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2013 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên thường cãi nhau, anh V có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác không quan tâm đến vợ con. Chị L và anh V đã ly thân từ năm 2013 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh V.

Về con chung: Chị L và anh V được 02 người con chung tên Nguyễn Minh Phát, sinh ngày 01/12/2010, giới tính nam và Nguyễn Thị Ngọc Nhiên, sinh ngày 17/7/2012, giới tính nữ. Chị L đang nuôi dưỡng 02 con chung. Vợ chồng ly hôn chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Chị L và anh V không có tài sản và nợ chung.

Tại bản tự khai ngày 12 tháng 6 năm 2019 anh Nguyễn Minh V trình bày:

Về hôn nhân: Anh V đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh V đồng ý để chị L tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung. Anh V không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Anh V và chị L không có tài sản và nợ chung.

Tài liệu, chứng có trong hồ sơ vụ án:

Nguyên đơn cung cấp: Sổ hộ khẩu (bản sao); Chứng minh nhân dân (bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Giấy khai sinh (bản sao); Đơn xin xác nhận nơi cư trú (bản chính); Đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân (bản chính); Bản tự khai ngày 07/3/2019.

Bị đơn cung cấp: Bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 12/6/2019.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Minh V có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị L với anh V là hợp pháp. Theo chị L trình bày trong quá trình chung sống chị L và anh V thường xảy ra mâu thuẫn nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2013 đến nay. Theo đơn xác nhận tình trạng hôn ngày 20/5/2019 của chính quyền địa phương và UBND xã Thạnh Yên A trong thời chung sống chị L và anh V thường xảy ra mâu thuẫn. Tại bản tự khai ngày 12/6/2019 anh V cũng đồng ý ly hôn với chị Vương. Căn cứ khoản 1 Điều 51 và

khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 Tòa án chấp nhận cho chị L được ly hôn với anh V.

[3]. Về con chung: Tại bản tự khai ngày 04/6/2019 (ghi tại Tòa án) 02 con chung của chị L và anh V là cháu Nguyễn Minh Phát, sinh ngày 01/12/2010, giới tính nam và Nguyễn Thị Ngọc Nhiên, sinh ngày 17/7/2012, giới tính nữ đều có nguyện vọng được sống với mẹ là chị L. Tại bản tự khai ngày 12/6/2019 anh V cũng đồng ý giao 02 con chung cho chị L nuôi dưỡng. Xét thấy 02 con chung của chị L và anh V đang được chị L nuôi dạy và chăm sóc tốt. Nhằm đảm bảo quyền lợi của 02 cháu Nguyễn Minh Phát và Nguyễn Thị Ngọc Nhiên, Hội đồng xét xử thống nhất giao 02 con chung cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng. Anh V có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về chia tài sản chung*:* Chị L và anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí*:* Chị L phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L với anh Nguyễn Minh V.

2. Về con chung: Giao 02 con chung của chị L và anh V là cháu Nguyễn Minh Phát, sinh ngày 01/12/2010, giới tính nam và Nguyễn Thị Ngọc Nhiên, sinh ngày 17/7/2012, giới tính nữ cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng. Anh V có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về chia tài sản chung: Chị L và anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí*:* Chị L phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã

nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo lai thu số 0000808, ngày 14/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Tuấn Khanh

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;*
- *Viện kiểm sát ND huyện U Minh Thượng;*
- *Chi cục Thi hành án DS huyện U Minh Thượng;*
- *UBND xã nơi đăng ký kết hôn;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*